

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Tháng 02/2020, giá cà phê Robusta trên thị trường thế giới giảm so với tháng 01/2020, giá cà phê Arabica tăng.
- ▶ Tháng 02/2020, giá cà phê Robusta trong nước tăng so với cuối tháng 01/2020.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản năm 2019 giảm.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

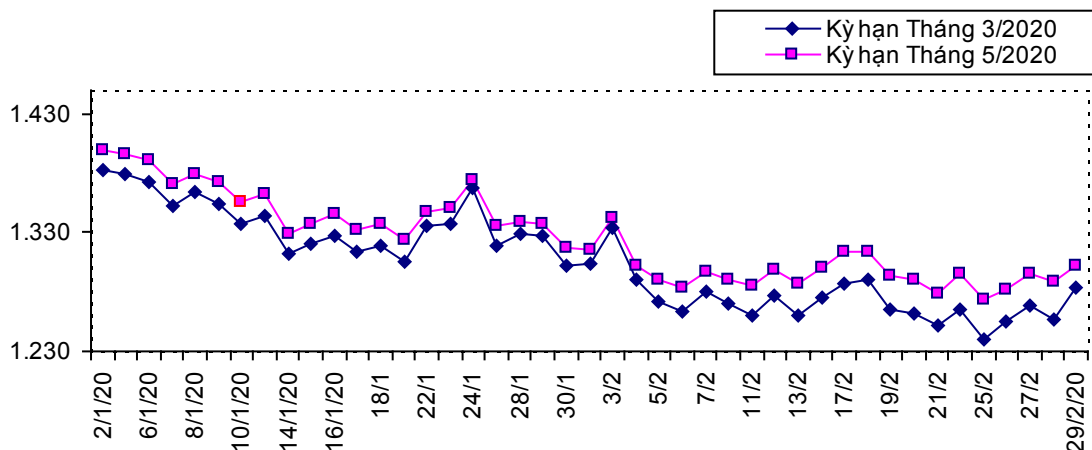
Cuối tháng 02/2020, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên thị trường thế giới giảm so với cuối tháng 01/2020; giá cà phê Arabica tăng. Cụ thể:

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 29/02/2020 giá cà phê Robusta giao kỳ hạn

tháng 3/2020 và tháng 5/2020 giảm lần lượt 1,6% và 1,0% so với ngày 31/01/2020, xuống còn 1.283 USD/tấn và 1.302 USD/tấn; kỳ hạn giao tháng 7/2020 giao dịch ở mức 1.321 USD/tấn, giảm 1,0% so với ngày 31/1/2020.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn năm 2020

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York: ngày 29/02/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 9,7% so với ngày 31/01/2020, lên mức 111,35 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 5/2020 tăng 9,3%, lên mức 113,25 Uscent/lb.

+ Trên sàn giao dịch BFM của Bra-xin: ngày 29/2/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 5 và tháng 7/2020 tăng lần lượt 8,3% và 11,4% so với ngày 31/1/2020, lên mức 131 Uscent/lb và 130,6 Uscent/lb; kỳ hạn giao tháng 9/2020, tăng 7,7%, lên mức 135 Uscent/lb.



+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, giá cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức 1.363 USD/tấn, cộng 80 USD/tấn, giảm 1,5% so với ngày 31/01/2020.

Giá cà phê Robusta toàn cầu giảm do chịu sức ép dư cung. Niên vụ cà phê 2020/21 của Bra-xin sắp bước vào vụ thu hoạch rộ, bắt đầu từ tháng 4/2020 đối với cà phê Robusta và tháng 7/2020 đối với cà phê Arabica. Kỳ lễ hội Carnival của Bra-xin đã kết thúc, đồng real giảm

so với đồng USD khiến người trồng cà phê Bra-xin đẩy mạnh hoạt động bán hàng, gây thêm áp lực dư cung trên thị trường.

Nhằm bảo vệ thu nhập của người trồng cà phê trước biến động của thị trường, Cô-lôm-bi-a đã thành lập quỹ bình ổn giá cà phê đầu tiên trong lịch sử với nguồn ngân sách 63,9 triệu USD. Hiện diện tích trồng cà phê Arabica của Cô-lôm-bi-a là 880.000 ha, sản lượng đạt mức cao kỷ lục 14,8 triệu bao năm 2019.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC: GIÁ TĂNG

Cuối tháng 02/2020, giá cà phê Robusta trong nước tăng so với cuối tháng 01/2020. Chốt phiên giao dịch ngày 29/02/2020, giá cà phê Robusta tăng từ 1,9 - 2,6% so với ngày 31/01/2020. Cụ thể, tại tỉnh Lâm Đồng, giá cà phê Robusta quanh mức 31.000 - 31.100 đồng/kg. Tại tỉnh Đắk Lắk, giá cà

phê Robusta đạt 31.400 đồng/kg tại huyện Buôn Hồ; ở mức 31.700 đồng/kg tại huyện Cư M'gar.

Tại các kho quanh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta loại R1 giảm 1,2% so với ngày 31/01/2020, xuống mức 31.900 đồng/kg.

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 29/02/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 31/01/2020 (%)
Tỉnh Lâm Đồng		
Lâm Hà (Robusta)	31.100	2,6
Bảo Lộc (Robusta)	31.100	2,3
Di Linh (Robusta)	31.000	2,3
Tỉnh Đắk Lắk		
Cư M'gar (Robusta)	31.700	2,6
Ea H'leo (Robusta)	31.500	2,3
Buôn Hồ (Robusta)	31.400	2,3
Tỉnh Gia Lai		
Pleiku (Robusta)	31.400	2,3
Chư Prông (Robusta)	31.300	2,0
la Grai (Robusta)	31.400	2,6
Tỉnh Đắk Nông		
Gia Nghĩa (Robusta)	31.400	2,3
Đắk R'lấp (Robusta)	31.300	2,3
Tỉnh Kon Tum		
Đắk Hà (Robusta)	31.500	1,9
Thành phố Hồ Chí Minh		
R1	31.900	-1,2

Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 02/2020 TĂNG

Theo ước tính, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 02/2020 đạt 150 nghìn tấn, trị giá 250 triệu USD, tăng 3,4% về lượng và tăng 1,4% về trị giá so với tháng 01/2020, tăng 31,1% về lượng và tăng 25,7% về trị giá so với tháng 02/2019. Tính chung 2 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê đạt 295 nghìn tấn, trị giá 497 triệu USD, giảm 6,6% về lượng và giảm 9,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu bình quân cà phê tháng 02/2020 ước tính đạt 1.667 USD/tấn, giảm 1,9% so với tháng 01/2020 và giảm 4,1% so với tháng 02/2019. Tính chung 2 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê ước đạt 1.683 USD/tấn, giảm 3,4% so với 2 tháng đầu năm 2019.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta trong tháng 01/2020 đạt 129,3 nghìn tấn, trị

giá 198,17 triệu USD, giảm 18,9% về lượng và giảm 21,1% về trị giá so với tháng 01/2019. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường giảm, như: Đức, Ý, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Nga, An-giê-ri-a, Bỉ, Ma-lai-xi-a. Cụ thể:

Tháng 01/2020, xuất khẩu cà phê Robusta sang thị trường Đức giảm 5,3% về lượng và giảm 6,8% về trị giá so với tháng 01/2019, đạt 22,8 nghìn tấn, trị giá 34,99 triệu USD; Giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta sang thị trường Đức đạt 1.535 USD/tấn, giảm 1,6% so với tháng 01/2019.

Xuất khẩu cà phê Robusta sang thị trường Ý trong tháng 01/2020 đạt gần



14,8 nghìn tấn, trị giá 23,2 triệu USD, giảm 15,4% về lượng và giảm 18,6% về trị giá so với tháng 01/2019; Giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta sang thị trường Ý đạt 1.569 USD/tấn trong tháng 01/2020, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2019.

10 thị trường xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất trong tháng 01/2020

Thị trường	Tháng 01/2020			So với tháng 01/2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tổng	129.370	198.174	1.532	-18,9	-21,1	-2,8
Đức	22.797	34.993	1.535	-5,3	-6,8	-1,6
Ý	14.788	23.209	1.569	-15,4	-18,6	-3,8
Hoa Kỳ	9.629	14.364	1.492	-32,2	-34,0	-2,6
Nhật Bản	7.942	12.524	1.577	-25,8	-27,6	-2,4
Tây Ban Nha	7.489	11.671	1.558	-53,5	-53,8	-0,7
Nga	6.693	10.412	1.556	-42,2	-42,5	-0,5
An-giê-ri-a	3.945	6.218	1.576	-39,4	-40,3	-1,5
Bỉ	3.277	5.053	1.542	-62,7	-63,3	-1,6
Ma-lai-xi-a	2.616	3.948	1.509	-46,9	-47,8	-1,7
Pháp	2.455	3.978	1.620	-28,4	-25,7	3,7
Thị trường khác	27.674	43.309	1.565	-38,4	-38,8	-0,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ NHẬT BẢN NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu cà phê của nước này trong năm 2019 đạt 445,6 nghìn tấn, trị giá 136,019 tỷ Yên (tương đương 1,243 tỷ USD), tăng 8,8% về lượng, nhưng giảm 2,4% về trị giá so với năm 2018.

Năm 2019, Nhật Bản tăng nhập khẩu hầu hết các chủng loại cà phê, trong đó cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 0901.11.000) là chủng loại nhập khẩu nhiều nhất, đạt 434,4 nghìn tấn, trị giá 124,2 tỷ Yên (tương đương 1,13 tỷ USD), tăng 8,9% về lượng, nhưng giảm 1,9% về trị giá so với năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân chủng loại cà phê chưa rang, chưa khử caffein của Nhật Bản năm 2019 ở mức 2.614 USD/tấn, giảm 9,9% so với năm 2018. Ngược lại, Nhật Bản giảm nhập khẩu chủng loại cà phê rang, khử chất caffein (mã HS 0901.21.000) với mức giảm 0,5% về lượng và giảm 8,0%



về trị giá so với năm 2018, đạt 6,7 nghìn tấn, trị giá 10,194 tỷ Yên (tương đương 93 triệu USD). Giá nhập khẩu bình quân chủng loại cà phê này của Nhật Bản năm 2019 đạt 13.772 USD/tấn, giảm 7,6% so với năm 2018.

Chủng loại cà phê nhập khẩu của Nhật Bản năm 2019

Tổng	Năm 2019				So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Triệu Yên)	Trị giá (Triệu USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Tổng	445.635	136.019	1.243	2.790	8,8	-2,4	-10,2
0901.11-000	434.379	124.197	1.135	2.614	8,9	-1,9	-9,9
0901.21-000	6.766	10.194	93	13.772	-0,5	-8,0	-7,6
0901.12-000	2.167	1.074	10	4.532	3,1	0,7	-2,3
0901.90-100	1.961	39	0,4	181	34,1	54,5	15,2
0901.22-000	362	515	5	13.013	5,4	-14,8	-19,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Nhật Bản

(Tỷ giá 1 USD = 109,394 JPY)



Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nhật Bản năm 2019 đạt mức 2.790 USD/tấn, giảm 10,2% so với năm 2018. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nhật Bản từ hầu hết các thị trường giảm so với năm 2018, như Bra-xin đạt 2.549 USD/tấn, giảm 13,4%;

Cô-lôm-bi-a đạt 3.111 USD/tấn, giảm 8,2%; Việt Nam đạt 1.661 USD/tấn, giảm 15,4%; Ê-ti-ô-pi-a đạt 2.861 USD/tấn, giảm 9,5%. Ngược lại, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nhật Bản từ Hoa Kỳ đạt mức cao 13.592 USD/tấn, tăng 7,0% so với năm 2018.

10 nguồn cung cà phê lớn nhất cho Nhật Bản năm 2019

Thị trường	Năm 2019				So với năm 2018 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Triệu Yên)	Trị giá (Triệu USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Bra-xin	155.847	43.457	397	2.549	38,6	20,1	-13,4
Việt Nam	89.222	15.723	144	1.611	-10,9	-24,6	-15,4
Cô-lôm-bi-a	62.913	21.408	196	3.111	-2,8	-10,7	-8,2
Ê-ti-ô-pi-a	34.582	10.823	99	2.861	28,9	16,6	-9,5
Goa-tê-ma-la	29.420	10.610	97	3.297	21,4	8,9	-10,3
In-đô-nê-xi-a	25.453	8.156	75	2.929	-16,3	-16,8	-0,6
Ta-dan-ni-a	15.552	4.692	43	2.758	0,5	-12,7	-13,1
Hon-đu-rát	8.495	2.613	24	2.812	27,3	15,3	-9,4
Pê-ru	5.266	1.797	16	3.119	5,6	-4,0	-9,1
Hoa Kỳ	2.279	3.389	31	13.592	2,3	9,5	7,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Năm 2019, Nhật Bản tăng nhập khẩu cà phê từ các nguồn cung như: Bra-xin, Ê-ti-ô-pi-a; Goa-tê-ma-la; Hon-đu-rát; Hoa Kỳ, nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam, Cô-lôm-bi-a; In-đô-nê-xi-a. Cụ thể như sau:

Bra-xin là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Nhật Bản trong năm 2019, đạt 155,8 nghìn tấn, trị giá 43,457 tỷ Yên (tương đương 397 triệu USD), tăng 38,6% về lượng và tăng 20,1% về trị giá so với năm 2018. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập

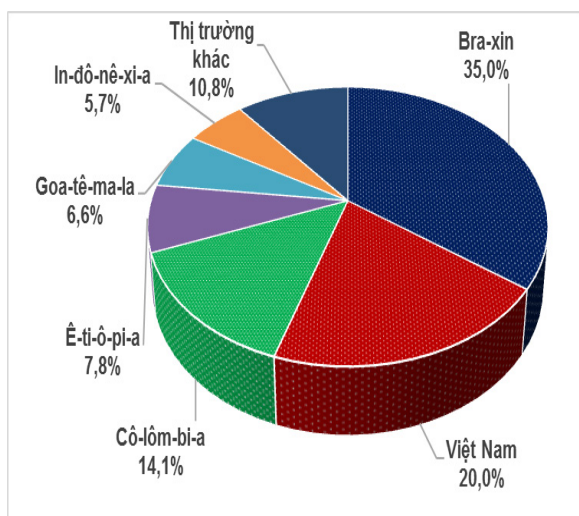
khẩu của Nhật Bản tăng từ 27,4% trong năm 2018, lên 35% trong năm 2019.

Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn thứ 2 cho Nhật Bản trong năm 2019, đạt 89,2 nghìn tấn, trị giá 15,723 tỷ Yên (tương đương 144 triệu USD), giảm 11,2% về lượng và giảm 17,9% về trị giá so với năm 2018. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản giảm từ 24,4% năm 2018, xuống còn 20% trong năm 2019.

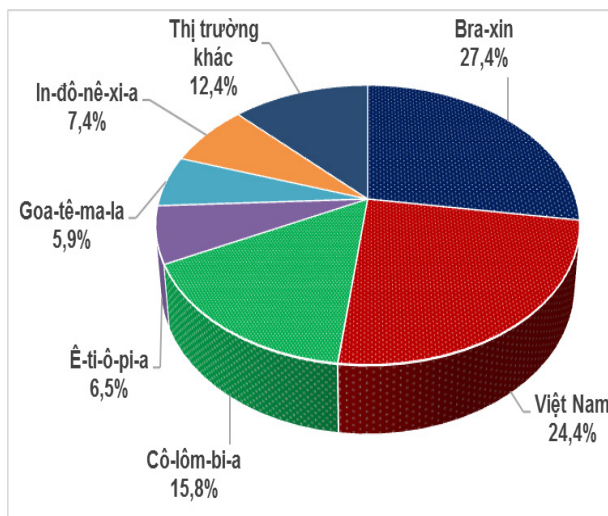
Cơ cấu nguồn cung cà phê cho Nhật Bản

(Tỷ trọng tính theo lượng)

Năm 2019



Năm 2018



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Theo Hiệp hội Thương mại công bằng cà phê toàn Nhật Bản, người dân nước này ngày càng ưa chuộng các loại cà phê có vị ngon, giá thấp. Tại Nhật Bản, cà phê Robusta chủ yếu được dùng làm nguyên liệu sản xuất cà phê hòa tan.

Để đáp ứng thị hiếu tiêu dùng của người dân và mở rộng thị trường tiêu thụ tại các quán cà phê, các nhà chế biến Nhật Bản đã trộn cà phê Robusta và Arabica để tạo ra các thương hiệu riêng, và giá thấp cho các nhà bán lẻ. Mặc dù cà phê Robusta không thể thay thế toàn bộ cà phê Arabica, nhu cầu

đối với cà phê trộn giữa cà phê Robusta và Arabica đang gia tăng. Do đó, Nhật Bản có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu cà phê Robusta trong thời gian tới.

Việt Nam có lợi thế khi là nước sản xuất cà phê Robusta hàng đầu thế giới, nguồn cung dồi dào, thời gian vận chuyển ngắn hơn so với các nhà sản xuất cà phê Arabica từ khu vực châu Mỹ Latinh. Tuy nhiên, do yếu tố thời tiết không thuận lợi, sản lượng cà phê của nước ta niên vụ 2018/19 giảm đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Nhật Bản.